

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09- 6-2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Bảo Ngọc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Hiền

Ông Nguyễn Bá Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hằng –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 514/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2019 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST – HNGĐ ngày 22/5/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan H, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

Bị đơn: Bà Trương Thị Kim P, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Phan H trình bày:

Ông và Bà Trương Thị Kim P qua một thời gian tìm hiểu thì đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T (nay là phường M, thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 03/6/2010.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau,

không có tiếng nói chung trong công việc làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm thấy hạnh phúc khi chung sống. Từ năm 2017 đến nay ông và bà Phượng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau.

Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phượng.

Về con chung: Ông và bà P có 01 con chung là cháu Phan Trung K, sinh ngày 28/6/2010. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu K được bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông yêu cầu giao cháu K cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6 năm 2020 đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Bà Trương Thị Kim P trình bày:

Bà thống nhất với điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như ông H đã trình bày. Bà và ông H chung sống đôi khi có cãi vã nhưng không có mâu thuẫn gì trầm trọng đến mức phải ly hôn, bà xác định ông H không còn tình cảm với bà nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Tuy nhiên bà không đồng ý ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của con cái, bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Bà và ông H có một con chung là cháu Phan Trung K, sinh ngày 28/6/2010. Trường hợp vợ chồng ly hôn bà đồng ý nuôi cháu K đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), đồng ý mức cấp dưỡng ông H đưa ra là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phượng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn, đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan H đối với Bà Trương Thị Kim P.

Về án phí: Ông Phan H đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn đang cư trú Tổ 3, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tranh chấp giữa ông Phan H và Bà Trương Thị Kim P là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35

và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bà Trương Thị Kim P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào các giấy tờ tài liệu do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để xác định: Ông H và bà P tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, (nay là phường M, thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông H, bà P: Ông H cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, không có tiếng nói chung trong công việc nên thường xuyên cãi vã, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Bà P cũng xác định vợ chồng chung sống có cãi vã nhưng không nhiều, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, tuy nhiên bà P mong muốn đoàn tụ gia đình nên không đồng ý ly hôn.

Xét ý kiến của bị đơn thấy: Bà P không đồng ý ly hôn nhưng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm với ông H, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải hướng các đương sự đoàn tụ với nhau và cho các đương sự có thời gian để tự hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng đến nay vẫn không có kết quả. Tại phiên tòa ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, không đồng ý đoàn tụ gia đình với bà P. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông H, bà P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng Điều Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông H đối với bà P.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông H, bà P có là 01 con chung là cháu Phan Trung K, sinh ngày 28/6/2010. Ông H có nguyện vọng giao cháu K cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng).

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy: Ông H và bà P đều xác định từ khi vợ chồng sống ly thân cháu K được bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông H vẫn lui tới phụ đưa đón con đi học và cùng bà P chăm sóc con chung. Quá trình tố tụng tại Tòa án bà P cũng thống nhất trường hợp ly hôn thì bà P sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con của ông H là 2.000.000đ/tháng.

Đối với cháu K, sinh ngày 28/6/2010 đến nay đã trên 7 tuổi, tuy nhiên theo trình bày của ông H và chứng cứ ông H cung cấp thì hiện nay cháu K đang bị bệnh “Rối loạn tăng động kém tập trung” thường xuyên phải uống thuốc hỗ trợ do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hỏi ý kiến của cháu về việc cháu có nguyện vọng được sống với ai để không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu.

Do đó xét nguyện vọng của ông H, bà P đồng thời để bảo đảm sự phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần cho cháu K cần giao các cháu K cho bà Phượng trực tiếp nuôi dưỡng, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K số tiền 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[3] *Về án phí*: Ông Phan H nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan H đối với Bà Trương Thị Kim P về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan H được ly hôn với Bà Trương Thị Kim P.

Về con chung: Buộc ông Phan H giao cháu Phan Trung K, sinh ngày 28/6/2010 cho Bà Trương Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phan H cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2020 đến khi cháu K trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Phan H được quyền đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không cấp dưỡng số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phan H phải nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002560 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Phan H tiếp tục nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc

thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường Mỹ Xuân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Hoàng Bảo Ngọc

